

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



BÁO CÁO

**RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT
THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-BTNMT ngày .../.../2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Hà Nội, 2024

BÁO CÁO**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật
có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật Tài nguyên nước**

Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 với nhiều nội dung mới liên quan đến bốn nhóm chính sách đã được Quốc hội thông qua (Bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra). Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTg về việc Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 6, giao Bộ Tài nguyên và môi trường chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Phạm vi, nội dung rà soát**

- Về phạm vi rà soát: gồm toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, các Nghị định của Chính phủ) có liên quan.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu toàn bộ các quy định tại dự thảo Nghị định với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, cụ thể:

+ Chương I. Quy định chung gồm 3 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về: Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng điều chỉnh và Giải thích từ ngữ.

+ Chương II Điều tra cơ bản tài nguyên nước và Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất chuyên ngành về tài nguyên nước. Các nội dung về điều tra cơ bản được phát triển và kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Các nội dung về quy hoạch được nghiên cứu xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

+ Chương III Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước

Các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước được kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, đồng thời, bổ sung mới những quy định phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Các quy định về hạn chế nước dưới đất được kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Đồng thời, bổ sung những quy định mới, bỏ những nội dung không phù hợp.

Chương này cũng bổ sung các quy định mới về khoanh định vùng cấm khai thác nước dưới đất.

+ Chương IV Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đây là chương xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

+ Chương V Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra. Trong đó, các quy định về tài nguyên nước được kế thừa từ các quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Các nội dung các được quy định mới phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

+ Chương VI Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước

Quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước là quy định mới, được quy định cụ thể để phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Quy định về giám sát khai thác tài nguyên nước được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở nâng lên từ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đồng thời, bổ sung những quy định mới cho phù hợp.

+ Chương VII Điều khoản thi hành. Chương này quy định những nội dung về: Điều khoản chuyển tiếp; Điều khoản thi hành.

2. Mục đích việc rà soát dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chương I: Quy định chung dự thảo Nghị định

1.1. Các văn bản được rà soát: Hiến pháp, Luật Tài nguyên nước 2023, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Luật dân sự.

1.2. Kết quả rà soát

- Phạm vi điều chỉnh:

Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012, có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 7 năm 2024. Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết 20 nội dung. Dự thảo quy định chi tiết Điều 7, khoản 3 Điều 9, khoản 4 Điều 9, Điều 10, Điều 17, Điều 19, Điều 23, Điều 30, khoản 3 Điều 31, Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 7 Điều 38, khoản 8 Điều 38, khoản 9 Điều 38, Điều 51, khoản 6 Điều 63, khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 66, Điều 71, Điều 81 Luật Tài nguyên nước.

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 10, khoản 5 Điều 17, Điều 19, khoản 9 Điều 23, Điều 30, khoản 5 Điều 31, Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 10 Điều 38, khoản 3 Điều 51, khoản 10 Điều 63, khoản 6 Điều 66, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 81 Luật Tài nguyên nước.

Do đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định phù hợp với Hiến pháp, Luật Tài nguyên nước 2023, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các Nghị định khác có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: tại Điều 2 dự thảo quy định Đối tượng áp dụng như sau: *“Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định bảo đảm thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định, phù hợp với Hiến pháp, Luật Tài nguyên nước 2023 và Bộ luật Dân sự.

- Giải thích từ ngữ: Các từ ngữ được giải thích trong dự thảo Nghị định gồm những từ chưa được giải thích trong các văn bản pháp luật khác; không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các từ ngữ trong các văn bản khác.

Qua rà soát, các nội dung trên được quy định tại Chương I trong dự thảo Nghị định không có mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định pháp luật khác.

2. Chương II: Điều tra cơ bản tài nguyên nước và trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất chuyên ngành về tài nguyên nước

2.1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Thủy lợi;
- Luật Khí tượng thủy văn;
- Luật Khoáng sản;
- Luật Bảo vệ môi trường;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Ngân sách nhà nước;
- Luật đầu tư công.

(2) Nghị định:

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Kết quả rà soát

Điều tra cơ bản tài nguyên nước là cơ sở, là yếu tố đầu vào để triển khai các hoạt động liên quan đến chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về tài nguyên nước. Trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và kết quả rà soát, Luật Tài nguyên nước 2023 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra cơ bản tài nguyên nước theo hướng quy định rõ các các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; đối với từng hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định phạm vi, đối tượng, phương pháp, nội dung kết quả đối với từng hoạt động điều tra cơ bản; đồng thời quy định rõ các nguồn kinh phí cho từng hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước và một số hoạt động khác.

- Đối với các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước: Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Tài nguyên nước thì hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước để thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch về tài nguyên nước, ... bảo đảm an ninh nguồn nước.

Tại khoản 2 Điều 4 có quy định Điều tra cơ bản tài nguyên nước phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất, đồng bộ, bảo đảm tính kế thừa và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực.

Tại Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về Điều tra, đánh giá tài nguyên nước như sau:

“Hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 của Luật Tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây:

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo theo lưu vực sông, đơn vị hành chính và vùng điều tra gồm một hoặc các hoạt động sau đây (...)

2. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất được thực hiện theo cấu trúc chứa nước, phức hệ chứa nước, tầng chứa nước bao gồm một hoặc các hoạt động sau đây (...)

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Điều tra, đánh giá phục vụ lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước đã quy định rõ số liệu điều tra, đánh giá của các hoạt động điều tra cơ bản sẽ được tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ trong Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Trong đó, số liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước (có khai thác, sử dụng

nước cho nông nghiệp) và xả nước thải vào nguồn nước là một trong những thông tin, dữ liệu tài nguyên nước (khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước).

Như vậy, các quy định về hoạt động điều tra cơ bản tài nước trong dự thảo Nghị định là phù hợp, không có nội dung trùng lặp với các hoạt động điều tra cơ bản thủy lợi.

- Việc cấp giấy phép xả nước thải được tích hợp trong quá trình cấp giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ Môi trường. Tuy nhiên, dự thảo đã quy định điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước là một trong những hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

Kết quả điều tra, đánh giá nêu trên là một trong các căn cứ để xác định biện pháp bảo vệ chức năng của nguồn nước, lập quy hoạch về tài nguyên nước, lập Kế hoạch bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tương tự, những hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt, nguồn nước dưới đất”, “điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước”, “Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải vào nguồn nước mặt”. Theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Luật Tài nguyên nước thì khả năng chịu tải của nguồn nước mặt là giới hạn có thể tiếp nhận thêm một lượng chất ô nhiễm mà vẫn bảo đảm chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Các kết quả điều tra, đánh giá nêu trên là một trong các căn cứ để xác định biện pháp bảo vệ chức năng của nguồn nước, lập quy hoạch về tài nguyên nước, lập kế hoạch bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Kết quả đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sẽ được sử dụng chung để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước, môi trường nước.

Theo quy định tại Điều 4 của dự thảo thì nguyên tắc của việc thực hiện các dự án điều tra cơ bản phải đảm bảo tính kế thừa. Như vậy, các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị định là phù hợp, không có sự mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Bảo vệ môi trường.

- Về kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, tại Điều 9 Dự thảo Nghị định quy định về Ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động điều tra, cơ bản tài nguyên nước như sau:

“a) Ngân sách trung ương đảm bảo chi thực hiện nhiệm vụ quy định xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định; xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước do các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện.

b) Ngân sách địa phương đảm bảo chi thực hiện nhiệm vụ quy định xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước do các địa phương thực hiện”.

Việc phân định rõ quy định nguồn kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, ví dụ kiểm kê tài nguyên nước; quan trắc tài nguyên nước; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt; điều tra, đánh giá diễn biến bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán thiếu nước... sẽ thuận tiện cho các địa phương trong việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước, huy động được các nguồn lực của xã hội tham gia hỗ trợ công tác quản lý nhà nước để giảm áp lực chi ngân sách. Dự thảo quy định rõ kinh phí cho từng hoạt động để thống nhất về cách phân bổ, sử dụng kinh phí từ trung ương xuống địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tóm lại, nội dung tại mục 1 Chương II dự thảo Nghị định đã quy định thống nhất từ trung ương đến địa phương các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; xác định được phạm vi, đối tượng, phương pháp, nội dung kết quả đối với từng hoạt động điều tra cơ bản; chỉ tiêu, phương pháp kiểm kê tài nguyên nước; thống nhất quản lý thông tin, số liệu điều tra cơ bản để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, phục vụ hỗ trợ ra quyết định để đảm bảo tính kế thừa, thống nhất, không trùng lặp để triển khai hiệu quả trên cả nước nhằm tiết kiệm nguồn lực.

2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Quy hoạch;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Thủy lợi;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều;

- Luật Quy hoạch đô thị.

(2) Nghị định:

- Nghị định 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định 60/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường;

- Nghị định 136/2018/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường;

- Nghị định 22/2023/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường;

- Nghị định 53/2019/NĐ-CP quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê;

- Nghị định 05/2022/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê;

- Nghị định 166/2018/NĐ-CP Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh.

b) Kết quả rà soát:

Pháp luật hiện nay chỉ quy định căn cứ, nguyên tắc nội dung tổ chức lập quy hoạch và công bố thực hiện quy hoạch, chưa quy định về trình tự thủ tục lập, thẩm định, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh từ khâu lập nhiệm vụ quy hoạch đến trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

Việc quy định trình tự thủ tục lập, thẩm định, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh sẽ giúp đơn vị lập quy hoạch, đơn vị quản lý các cấp thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch thực hiện các quy định đúng đủ về nội dung, thời gian cũng như các Bộ ngành, địa phương sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý để phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã quy định rõ:

(1) Việc quy định cụ thể trách nhiệm của đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch, thành phần, cơ chế ra quyết định, trách nhiệm của hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và thành phần hồ sơ thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, thời hạn thẩm định, nội dung phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch... sẽ đưa ra được đề cương, công việc cụ thể cho công tác lập quy hoạch và tối ưu các công việc cần thực hiện.

(2) Việc quy định cụ thể trách nhiệm của đơn vị lập quy hoạch, thành phần, cơ chế ra quyết định, trách nhiệm của hội đồng thẩm định quy hoạch và thành phần hồ sơ thẩm định quy hoạch, thời hạn thẩm định, nội dung phê duyệt quy hoạch, thời gian lập quy hoạch, lấy ý kiến về quy hoạch... sẽ thúc đẩy quá

trình thẩm định quy hoạch, nâng các trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến chất lượng quy hoạch sẽ tốt hơn.

(3) Việc quy định trình tự thủ tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch và rà soát điều chỉnh cục bộ quy hoạch thuộc trách nhiệm Bộ Tài nguyên và Môi trường... sẽ rõ ràng các loại điều chỉnh cục bộ nào thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn rõ ràng để các cơ quan liên quan biết và thực hiện.

(4) Việc quy định Danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch sẽ tạo hành lang pháp lý để cơ quan quản lý nhà nước phân phối nguồn lực phù hợp đảm bảo chất lượng và tiến độ quy hoạch.

(5) Việc quy định tỷ lệ bản đồ với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh sẽ làm các quy hoạch có tính chất đồng bộ, tránh tình trạng tùy tiện về tỷ lệ bản đồ...

Qua rà soát, nội dung liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất chuyên ngành về tài nguyên nước được quy định trong dự thảo Nghị định không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản, lĩnh vực khác.

3. Chương III: Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước

3.1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Đất đai
- Luật Thủy lợi
- Luật Giao thông đường thủy
- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
- Luật Xây dựng

(2) Nghị định:

- Nghị định 114/2018/NĐ-CP quy định phạm vi hành lang bảo vệ đối với đập, hồ chứa.

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

(3) Thông tư:

- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Kết quả rà soát

Các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước của Luật Tài nguyên nước 2023 và được chi tiết hoá tại Dự thảo Nghị định này đã được xây dựng trên cơ sở: (i) kế thừa các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước đã và đang được triển khai, thực thi hiệu quả đã được quy định tại Luật Tài nguyên nước 2012 và chi tiết hoá tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; (ii) giải quyết các vướng mắc, tồn tại trên thực tế đã được nhiều địa phương phản ánh trong thời gian qua; (iii) phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, thủy lợi, đê điều, giao thông, xây dựng... để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước.

(1) Dự thảo Nghị định đã xem xét để bảo đảm tính phù hợp với các pháp luật về thủy lợi. Cụ thể, liên quan đến đối tượng nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, tại Điều 21 dự thảo Nghị định quy định nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ bao gồm: *“Đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên sông, suối; Hồ trên sông, suối không thuộc quy định tại điểm a khoản này; Hồ, ao, đầm, phá được xác định trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; Sông, suối, kênh, rạch là nguồn cấp nước, trực tiêu nước hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 2 Điều này; Các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch được quy định tại khoản 3 Điều này”*

Các đối tượng nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ đã được quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Tài nguyên nước 2023, Dự thảo Nghị định chỉ quy định chi tiết, làm rõ hơn các đối tượng nguồn nước là *“Sông, suối, kênh, mương, rạch là nguồn cấp nước, trực tiêu nước hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch không thuộc quy định tại điểm c khoản này.”* quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 23 của Luật, không có trùng lặp với Luật Thủy lợi.

- Liên quan đến phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy lợi, Điều 40 Luật Thủy lợi và Điều 21 của Nghị định 114/2018/NĐ-CP quy định: *“1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước bao gồm công trình và vùng phụ cận. 3. Vùng phụ cận của hồ chứa nước bao gồm vùng phụ cận của đập và vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước được quy định như sau: a) Vùng phụ cận của*

đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m; b) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ.)

Tại Điều 24 dự thảo Nghị định quy định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi và hồ chứa khác trên sông, suối như sau: “*Đối với đập, hồ chứa thủy lợi, phạm vi, mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước được xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi*”.

- Liên quan đến phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch, tại khoản 8 Điều 25 dự thảo đã quy định: “*Trường hợp kênh, mương thuộc hệ thống công trình thủy lợi thì phạm vi, mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước được xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi*”.

- Liên quan đến kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, tại khoản 6 Điều 29 dự thảo Nghị định quy định “*kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo quy định pháp luật về thủy lợi*”

Việc bổ sung quy định nêu trên đã khắc phục được những vướng mắc, chông chéo về việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước và cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi triển khai trên thực tế, không có sự trùng lặp với Luật Thủy lợi.

(2) Để đảm bảo tính thống nhất đồng bộ của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa. Tại Khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định đã quy định: *Các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn và phát triển văn hóa, du lịch, tôn giáo, tín ngưỡng và có giá trị đa dạng sinh học cao phải lập hành lang bảo vệ bao gồm:*

a) Nguồn nước được cộng đồng dân cư coi là nguồn nước linh thiêng hoặc là nơi tổ chức các lễ hội liên quan đến tín ngưỡng;

b) Nguồn nước gắn liền với danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa truyền thống của địa phương;

c) Nguồn nước gắn liền với môi trường sống thường xuyên hoặc theo mùa của các loài động, thực vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016 quy định “*Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng*”; “*Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thờ cúng*

tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.”; “Lễ hội tín ngưỡng là hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng”. Thực tế ở Việt Nam có nhiều nguồn nước được cộng đồng dân cư coi là linh thiêng, là nơi tổ chức các lễ hội liên quan đến tín ngưỡng cần được bảo tồn, phát triển.

Do vậy, tại khoản 9 Điều 25 dự thảo Nghị định đã quy định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với *Trường hợp sông, suối, kênh, rạch nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên hoặc nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa”.*

Như vậy, quy định trong dự thảo Nghị định không có trùng lặp, mâu thuẫn pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa.

(3) Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về đất đai và pháp luật về tài nguyên nước, liên quan đến các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước, tại khoản 2 Điều 31 dự thảo Nghị định đã quy định *“Việc sử dụng đất trong hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”.*

Liên quan quy định về phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính, tại khoản 2 Điều 28 Dự thảo Nghị định đã quy định *“Mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước được công bố, quản lý theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và đất đai”.*

Liên quan đến quản lý các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước, tại Khoản 2 Điều 31 dự thảo Nghị định quy định: *“Mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước phải được cập nhật, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; thể hiện trên bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai”*

Như vậy, quy định trong dự thảo Nghị định không có trùng lặp, mâu thuẫn pháp luật về đất đai.

(4) Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về đê điều, tại khoản 5 Điều 30 quy định về cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với nguồn nước khác, dự thảo Nghị định đã quy định: *“Việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước các sông, suối, kênh, rạch được xác định trùng với mốc chỉ giới hành lang bảo vệ lòng,*

mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê thì sử dụng mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê theo quy định của pháp luật về đê điều.

Qua rà soát cho thấy, nội dung về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trong dự thảo Nghị định hiện đã bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, không có mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung, lĩnh vực khác có liên quan.

3.2. Ngưỡng khai thác nước dưới đất và khoanh vùng cấm, hạn chế nước dưới đất

a) Các văn bản được rà soát: Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Kết quả rà soát

Nội dung quy định các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ. Các quy định về hạn chế nước dưới đất trong dự thảo Nghị định được kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP, đồng thời, bổ sung những quy định mới, bỏ những nội dung không phù hợp.

Một số vấn đề không còn phù hợp của Nghị định 167/2018/NĐ-CP như: Vùng hạn chế 3 (đối với các khu vực đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước; chưa được đầu nối nhưng có điểm đầu nối liền kề của hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng để cung cấp nước sạch, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước); quy định về Vùng hạn chế 4 (đối với các khu dân cư, khu công nghiệp tập trung không thuộc Vùng hạn chế 3 mà cách sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa (gọi tắt là nguồn nước mặt) mà có chức năng cấp nước sinh hoạt hoặc được quy hoạch để cấp nước sinh hoạt, có chế độ dòng chảy ổn định, dòng chảy tối thiểu từ 10 m³/s trở lên đối với sông, suối, kênh rạch hoặc tổng dung tích từ 10 triệu m³ trở lên đối với hồ chứa, có chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt cột A1 trở lên), việc áp dụng các quy định nêu trên để khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất chưa được đầy đủ gây ra khó khăn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác sử dụng nước dưới đất, đặc biệt đối với các công trình cấp nước sạch tập trung từ việc khai thác nguồn nước dưới đất và gây mở rộng phạm vi khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất vượt quá phạm vi quy định.

Để đảm bảo quản lý, sử dụng, phát triển bền vững, tổng hợp, thống nhất theo lưu vực sông, liên vùng, liên tỉnh và được tiếp cận theo nguyên tắc thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mọi nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước, nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, hợp lý, đa mục tiêu, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái thủy sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia cần quy định rõ từng tầng chứa nước, từng vùng, từng khu vực cấm, hạn chế khai thác tài nguyên nước.

Tại Điều 34 dự thảo Nghị định đã quy định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất như sau: *“1. Vùng cấm khai thác nước dưới đất được khoanh định đối với khu vực đã xảy ra sụt, lún đất hoặc có nguy cơ sụt, lún đất quy định tại điểm b khoản 5 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước.*

2. Vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bao gồm các khu vực sau đây:

a) Khu vực liền kề với khu vực quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn là khu vực liền kề với khu vực bị nhiễm mặn (có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500 mg/l trở lên);

c) Khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ vượt ngưỡng khai thác nước dưới đất là khu vực có mực nước động trung bình tại giếng khai thác trong sáu (06) tháng mùa khô suy giảm trong ba (03) năm liên tục và vượt quá 95% ngưỡng giới hạn về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 46 của Nghị định này, trừ trường hợp giếng khoan khai thác bị suy thoái nghiêm trọng dẫn đến mực nước động bị hạ thấp quá mức.”

Việc rà soát quy định về khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất sẽ giúp đơn vị quản lý các cấp có được thông tin toàn diện các vấn đề về cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm kiểm soát việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước dưới đất, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt của nhân dân.

Qua rà soát, nội dung về ngưỡng khai thác nước dưới đất và khoanh vùng cấm, hạn chế nước dưới đất không có mâu thuẫn, trùng lặp, đảm bảo thống nhất, đồng bộ về pháp luật tài nguyên nước.

4. Chương IV: Điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

4.1. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

Theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước 2023, việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải căn cứ vào quy hoạch về tài nguyên nước, kịch bản nguồn nước, hiện trạng, nhu cầu và hạn ngạch khai thác tài nguyên nước có tính đến tác động của biến đổi khí hậu, kết quả hạch toán tài nguyên nước và các quy

định chung về nguyên tắc, việc xây dựng phương án điều hòa phân phối trong trường hợp dự báo và khi xảy ra hạn hán thiếu nước và giao Chính phủ quy định chi tiết về việc điều hòa phân phối tài nguyên nước.

Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định chi tiết một số nội dung được quy định tại Điều 35, 36 của Luật Tài nguyên nước như: việc xây dựng kịch bản nguồn nước; quy định cụ thể hơn các nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước theo khả năng, trạng thái của nguồn nước; kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các ngành có khai thác, sử dụng nước; quy định việc xây dựng phương án điều hòa phân phối và trách nhiệm xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, cụ thể:

- Bổ sung quy định cụ thể về yêu cầu thông tin, số liệu, trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các đơn vị có liên quan; nội dung chính của kịch bản nguồn nước và trách nhiệm xây dựng, công bố kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông.

- Bổ sung quy định chi tiết về khả năng, trạng thái của nguồn nước trên lưu vực sông; nguyên tắc, căn cứ xác định hạn ngạch khai thác tài nguyên nước; nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng nước trên lưu vực sông theo khả năng của nguồn nước.

- Bổ sung quy định nội dung chính của kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các ngành có khai thác, sử dụng nước và trách nhiệm lập, điều chỉnh nội dung của kế hoạch.

- Bổ sung quy định nội dung chính của phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trong việc xây dựng phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông dự báo xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Tại Điều 42 dự thảo Nghị định đã quy định rõ trách nhiệm của việc xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số như sau: *“1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, vận hành hệ thống công cụ hỗ trợ quyết định phục vụ việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số.*

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định trên các lưu vực sông.

3. Các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước có trách nhiệm cung cấp thông tin về khai thác, sử dụng nước của công trình do mình quản lý vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà phân phối tài nguyên nước. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông”.

Việc bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương trong việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước để bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu tình trạng hạn hán thiếu nước nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, phù hợp và trách nhiệm thực thi cao từ các bên.

Trong quá trình xây dựng và rà soát, nội dung về điều hoà, phân phối tài nguyên nước được quy định trong dự thảo Nghị định thống nhất, đồng bộ với pháp luật về tài nguyên nước và không chồng chéo, mâu thuẫn với các lĩnh vực liên quan.

4.2. Chuyển nước lưu vực sông

a) Các văn bản rà soát: Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Kết quả được rà soát:

Tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi quy định về hệ thống dẫn nước, chuyển nước bao gồm: “a) Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng lớn là công trình có các thông số:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long có lưu lượng từ 100 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 50 m trở lên;

Đối với các vùng khác có lưu lượng từ 50 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 25 m trở lên.

b) Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng vừa là công trình có thông số:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long có lưu lượng từ 10 m³/s đến dưới 100 m³/s hoặc chiều rộng đáy kênh từ 10 m đến dưới 50 m;

Đối với các vùng khác có lưu lượng từ 5 m³/s đến dưới 50 m³/s hoặc chiều rộng đáy kênh từ 5 m đến dưới 25 m.

Tại Điều 48 dự thảo Nghị định quy định về quy mô dự án chuyển nước phải lấy ý kiến chấp thuận như sau: “Dự án có hoạt động chuyển nước giữa các nguồn nước thông qua các công trình kênh, mương, rạch, đường ống, xi phông, tuynel, cầu máng hoặc các hoạt động đào sông, kênh, mương, rạch để dẫn nước

phải lấy ý kiến chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước, bao gồm một trong các trường hợp sau:

a) Dự án có lưu lượng chuyển nước từ 30 m³/giây trở lên;

b) Dự án có lưu lượng chuyển nước từ 10 m³/giây đến nhỏ hơn 30 m³/giây và chiếm tỷ lệ lớn hơn 40% lưu lượng trung bình nhiều năm tại vị trí chuyển nước”.

Nội dung về quy mô dự án chuyển nước lưu vực sông không có mâu thuẫn, chồng chéo với các nội dung quy định liên quan về pháp luật về thủy lợi.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 31 dự thảo Nghị định cũng quy định rõ thời điểm lấy ý kiến chấp thuận của dự án chuyển nước như sau: *“Thời điểm lấy ý kiến chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc trong giai đoạn quyết định đầu tư dự án đối với dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.”*

Theo quy định của Luật Đầu tư công thì tùy thuộc dự án đầu tư công, nguồn vốn của dự án đầu tư công, cơ quan chủ quản sẽ phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định dự án đầu tư (Điều 40), quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Điều 41) hoặc quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp (Điều 42)...

Nội dung về thời điểm lấy ý kiến chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước đảm bảo thống nhất với pháp luật về đầu tư, đầu tư công.

Như vậy, nội dung về chuyển nước lưu vực sông trong dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về thủy lợi và pháp luật đầu tư, đầu tư công.

5. Chương V: Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra

5.1. Lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Quy hoạch đô thị.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương

(2) Nghị định:

- Nghị định 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định 38/2010/NĐ-CP quy định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 66/2019/NĐ-CP của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

(3) Thông tư:

- Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT về hướng dẫn Điểm c Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

b) Kết quả rà soát:

Pháp luật hiện hành về tài nguyên nước mới chỉ quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh, chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, trình tự, thủ tục để ban hành danh mục các ao, hồ, đầm, phá không được san lấp.

Để thực hiện việc hạn chế san lấp hồ ao, các giải pháp tích trữ, thoát nước mưa để phòng chống, giảm thiểu và thích ứng với thiên tai lũ lụt tại các đô thị, cần có quy định, hình thành khung cơ sở pháp lý quy định rõ trong Luật. Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về lập danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; Phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; Rà soát, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và Trách nhiệm của đơn vị quản lý ao, hồ, đầm, phá không được san lấp.

Nhằm giảm tình trạng san, lấp hồ ao, kè bờ, lấn sông, cải tạo cảnh quan, lấn chiếm, sử dụng trái phép đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đang diễn ra ngày càng phổ biến, phức tạp và chưa được kiểm soát chặt chẽ, tại khoản 3 Điều 63 dự thảo Nghị định đã quy định: *“Hạn chế tối đa việc lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phải lấn, thu hẹp không gian chỉ được thực hiện cho mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh; an sinh xã hội; cải tạo, tu bổ danh lam thắng cảnh; bảo vệ đê, kè phòng chống lụt, bão, thiên tai”*.

Trong trường hợp lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá phải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đối với hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh trước khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 19 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: *“Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt; quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền”*.

Nhằm kiểm soát chặt chẽ trường hợp lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá, dự thảo Nghị định đã quy định phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, quy định này hoàn toàn phù hợp, đảm bảo thống nhất với quy định về Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Như vậy, nội dung về lập danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trong dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước, không có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác.

5.2. Phòng, chống sạt, lở, lòng, bờ, bãi sông, hồ

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Bảo vệ môi trường
- Luật Thủy lợi
- Luật Khoáng sản
- Luật Giao thông đường thủy
- Luật Xây dựng

(2) Nghị định:

- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

b) Kết quả rà soát:

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước được triển khai mạnh mẽ từ Trung ương đến các địa phương, đặc biệt là công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, thanh tra các hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó có bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Đến nay chỉ có Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông quy định cụ thể việc bảo vệ lòng, bờ, bãi sông gắn với hoạt động khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ; hoạt động nạo vét, cải tạo, mở mới, nâng cấp luồng, lạch, tuyến giao thông thủy; kè bờ, chỉnh trị sông, cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông, xây dựng công trình thủy dẫn tới việc bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Điều 66 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã quy định các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, hồ, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ. Việc đánh giá tác động và thẩm định phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ được thực hiện trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nội dung đánh giá tác động và phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ là một nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Để đảm bảo sự liên thông giữa các quy định pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan, dự thảo Nghị định đã quy định yêu cầu đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, hồ, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Tài nguyên như sau:

Ngoài đáp ứng yêu cầu chung của về bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, còn phải đáp ứng các yêu cầu như:

- Tại khoản 2 Điều 67 dự thảo Nghị định quy định hoạt động khai thác cát, sỏi lòng, bờ bãi sông phải tuân thủ các quy định pháp luật về khoáng sản, các pháp luật có liên quan. *Trường hợp đang khai thác mà có hiện tượng sạt, lở bờ tại khu vực khai thác, thì phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có hoạt động khai thác để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.*

Trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục khai thác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung vào khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi trên sông theo quy định pháp luật về khoáng sản”.

- Tại Điều 69 dự thảo Nghị định quy định: Việc nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa (nạo vét cơ bản) thuộc vùng nước đường thủy nội địa phải tuân thủ các quy định của pháp luật về vùng nước đường thủy nội địa, các pháp luật khác có liên quan.

“Trường hợp nạo vét, khơi thông luồng có gắn với thu hồi sản phẩm nạo vét là cát, sỏi lòng sông; bảo trì kết hợp thu hồi sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thì việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan; việc đăng ký khối lượng, phương pháp thu hồi sản phẩm nạo vét là cát, sỏi lòng sông được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của Nghị định này”

Như vậy, nội dung về yêu cầu đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, hồ, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật có liên quan.

Liên quan đến việc đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ, tại Điều 71 dự thảo Nghị định đã quy định: *“Nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông và phương án thực hiện để bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ là một nội dung chính của Biểu mẫu Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được thẩm định theo quy định pháp luật về môi trường.*

Mẫu nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trong Mẫu nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường”.

Như vậy, các quy định về phòng, chống sạt, lở, lòng, bờ, bãi sông, hồ trong dự thảo Nghị định không có mâu thuẫn, chồng chéo với các nội dung quy định liên quan về pháp luật bảo vệ môi trường.

5.3. Tổ chức lưu vực sông

a) Văn bản được rà soát:

- Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương sáu khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương sáu khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Kết quả rà soát:

Việc hình thành các tổ chức lưu vực sông là bước khởi đầu để thực hiện nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông kết hợp với quản lý theo đơn vị hành chính. Đây là một mô hình quản lý tiên tiến mà nhiều nước trên thế giới đã áp dụng thành công, đáp ứng nguyện vọng, mong muốn đóng góp cho công tác quản lý tài nguyên nước của các Bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương. Sau khi được thành lập, tổ chức lưu vực sông sẽ thực thi nhiệm vụ về điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường lưu vực sông, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do các hoạt động khai thác sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước gây ra trên các lưu vực sông liên tỉnh.

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã quy định nhiệm vụ của Tổ chức lưu vực sông tại Điều 81. Dự thảo Nghị định đã quy định về tổ chức lưu vực sông, hoạt động và nguyên tắc làm việc của tổ chức lưu vực sông.

Theo đó, tại khoản 1 Điều 73 dự thảo Nghị định quy định: “*Tổ chức lưu vực sông là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập được tổ chức dưới hình thức Ủy ban lưu vực sông*”. Quy định này đảm bảo phù hợp, thống nhất với Điều 2 Quyết định 23/2023/QĐ-TTg quy định về hình thức tổ chức “*Tổ chức phối hợp liên ngành được tổ chức dưới các hình thức sau: Hội đồng, Ủy ban, Ban Chỉ đạo, Ban công tác*”.

Văn phòng Ủy ban lưu vực sông được quy định tại khoản 4 Điều 73 dự thảo Nghị định như sau: “*4) Văn phòng Ủy ban lưu vực sông có nhiệm vụ giúp Ủy ban lưu vực sông thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban giao, sử dụng bộ máy và biên chế được giao của Bộ Tài nguyên và Môi trường; b) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Văn phòng Ủy ban lưu vực sông*”. Dự thảo Nghị định đã quy định biên chế của Văn phòng lưu vực sông thuộc biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không làm phình bộ máy, không phát sinh biên chế, đảm bảo phù hợp, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tại Điều 74 dự thảo Nghị định quy định hoạt động của Ủy ban lưu vực sông như sau: “*Chế độ làm việc của Ủy ban lưu vực sông thực hiện theo quy định về hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, cụ thể như sau:*

a) Ủy ban lưu vực sông Hồng Thái Bình và Ủy ban lưu vực sông Mê Công

làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Ủy ban;

b) Ủy ban lưu vực sông Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số, đề cao trách nhiệm thành viên trong Ủy ban”. Quy định này đảm bảo, đồng bộ với quy định về hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

Như vậy, các quy định về tổ chức lưu vực sông trong dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định có liên quan.

5.4. Hạch toán tài nguyên nước

Hạch toán tài nguyên nước hiện đang được triển khai rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới với các phương pháp, cách thức tiếp cận khác nhau; trong lĩnh vực quản lý nhà nước tại Việt Nam hiện nay cũng đã và đang triển khai những hoạt động có liên quan đến hạch toán tài nguyên nước.

Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về: quy định chung về hạch toán tài nguyên nước, hệ thống nhóm tài khoản, dữ liệu hạch toán tài nguyên nước, kết quả hạch toán tài nguyên nước, trách nhiệm tổ chức thực hiện hạch toán tài nguyên nước, lộ trình thực hiện hạch toán tài nguyên nước để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của Luật Tài nguyên nước 2023; phù hợp với tình hình công tác quản lý nhà nước hiện nay và hài hòa với thông lệ quốc tế.

Đây là lần đầu tiên chính sách về hạch toán tài nguyên nước được quy định trong Luật Tài nguyên nước và chưa có các quy định cụ thể đối với chính sách này trong các văn bản dưới Luật (Nghị định, Thông tư) trước đây. Do đó, những nội dung về hạch toán tài nguyên nước trong dự thảo Nghị định không có những chồng chéo, mâu thuẫn với những quy định khác có liên quan.

6. Chương VI: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước

6.1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

a) Các văn bản được rà soát:

(1) Luật:

- Luật Tiếp cận thông tin;
- Luật Bảo vệ môi trường;
- Luật An toàn thông tin mạng.

(2) Nghị định:

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.

b) Kết quả rà soát:

Thực tế hiện nay, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước còn chưa đầy đủ, hoàn thiện để đáp ứng công tác quản lý tài nguyên nước, đặc biệt trong giai đoạn quản trị hiện đại số. Những thông tin về tài nguyên nước hiện nay được tính toán/ước tính theo nhiều phương pháp khác nhau và có nhiều nguồn dữ liệu khác nhau nên những kết quả chưa được thống nhất. Các quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong Luật tài nguyên nước 2012 cũng còn tương đối mờ nhạt và phân tán, chưa làm rõ trách nhiệm của tất cả các bên liên quan trong việc xây dựng, kết nối, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để phục vụ quá trình hoạch định chính sách, bảo vệ tài nguyên nước. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước cũng là một trong những yêu cầu cơ bản phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang đi vào các lĩnh vực thì lĩnh vực tài nguyên nước hiện nay còn thiếu nguồn dữ liệu cơ bản về nguồn nước do đó việc chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các ngành còn hạn chế. Hiện nay một số ngành khai thác sử dụng tài nguyên nước đã xây dựng được cơ sở dữ liệu cơ bản về quản lý và vận hành công trình khai thác sử dụng nguồn nước phục vụ đời sống và sản xuất. Việc cập nhật công nghệ trong quản lý nhà nước cũng sẽ không hiệu quả nếu thiếu nguồn thông tin, số liệu cơ bản.

Chính vì vậy, nội dung về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước là nội dung xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023. Dự thảo Nghị định quy định nội dung về Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia nhằm mục đích đưa ra các quy định, nguyên tắc, yêu cầu để xây dựng một hệ thống đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương và đảm bảo việc truy cập, khai thác, sử dụng thông tin hợp pháp về tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và lấy cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước là trọng tâm chính.

Việc quản lý tài nguyên nước theo nguyên tắc tổng hợp, thống nhất trên lưu vực sông do đó phải xem xét tất cả các vấn đề, trong đó bao gồm các hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước. Do đó, thông tin, số liệu về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước trong cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia là cần thiết để quản lý tài nguyên nước, không có sự mâu thuẫn hay chồng chéo với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 82 trong dự thảo Nghị định theo hướng đảm bảo các hệ thống thông tin được quản lý theo nguyên tắc đồng bộ với các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng, cụ thể như sau: *“Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia được xây dựng đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, đảm bảo liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống công cụ hỗ trợ hồ trợ ra quyết định, quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực và cơ sở dữ liệu liên quan đến điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân”*

Nội dung về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trong dự thảo Nghị định không có những chồng chéo, mâu thuẫn với những quy định khác có liên quan, đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.

6.2. Đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước

a) Các văn bản được rà soát: Luật Tài nguyên nước, Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, quy chuẩn về chất lượng nước.

b) Kết quả rà soát

Quy định về đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước được xây dựng trên cơ sở nâng lên từ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đồng thời, bổ sung những quy định mới cho phù hợp.

- Việc chưa có quy định đối với một số hoạt động khai thác, sử dụng nước có thể dẫn đến việc thiếu công bằng giữa các tổ chức, cá nhân khai thác nước. Cụ thể, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tuy nhiên chỉ áp dụng đối với các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Theo đó, khoảng gần 30 công trình đang có hoạt động khai thác, sử dụng nước biển không phải thực hiện quan trắc hoạt động khai thác nước biển tại công trình. Mặc dù, phần lớn các công trình khai thác nước biển cho mục đích làm mát, tuy nhiên đây vẫn là đối tượng phải có giấy phép (trường hợp lưu lượng khai thác trên 100.000m³/ngày đêm) và cần theo dõi tình hình tuân thủ quy định theo giấy phép được cấp. Bên cạnh đó, việc không quy định bắt buộc quan trắc hoạt động khai thác nước có thể tạo điều kiện để các

tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng theo các quy định tại giấy phép đã được phê duyệt

Theo đó, tại điều 94, dự thảo Nghị định đã quy định đối tượng, hình thức giám sát khai thác tài nguyên nước như sau: *“1. Đối tượng giám sát khai thác tài nguyên nước là các công trình khai thác nước mặt, nước dưới đất, nước biển thuộc trường hợp phải đăng ký, phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước.*

2. Giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước là việc kiểm soát hoạt động khai thác tài nguyên nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua việc theo dõi số liệu quan trắc khai thác tài nguyên nước của các cơ sở khai thác tài nguyên nước”

- Đối với các công trình cấp nước cho sinh hoạt, việc thiếu quan trắc, theo dõi chất lượng nguồn nước sinh hoạt và bảo đảm chất lượng nguồn nước do khai thác với mục tiêu bảo đảm chất lượng nước cấp cho dân sinh dẫn đến sự xáo trộn trong sinh hoạt của người dân, kéo theo những tác động tiêu cực trong xã hội. Do vậy, với nguồn nước cấp cho mục đích sinh hoạt cần được giám sát chặt chẽ kịp thời để kiểm soát, cảnh báo sớm chất lượng nguồn nước khai thác nên cần thiết phải quy định cụ thể thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc chất lượng nguồn nước.

Theo đó, tại Điều 96 dự thảo Nghị định đã quy định về thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước để cấp cho sinh hoạt như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân khai thác nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt ngoài việc giám sát mực nước, lưu lượng, giám sát bằng camera theo quy định tại Điều 97, Điều 98 và Điều 99 của Nghị định này còn phải thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

2. Việc quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác quy định như sau:

a) Thông số quan trắc để giám sát trực tuyến đối với công trình khai thác nguồn nước mặt có quy mô từ 10.000 m³/ngày đêm trở lên, tối thiểu bao gồm: nhiệt độ, pH, hàm lượng ôxy hoà tan (DO), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy hoá học (COD), amoni (NH₄⁺) và các thông số khác theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt do cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyết định trong giấy phép trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước khai thác;

b) Thông số quan trắc để giám sát trực tuyến đối với công trình khai thác nguồn nước dưới đất có quy mô từ 5.000 m³/ngày đêm trở lên, tối thiểu bao gồm các thông số: pH, TDS, NH₄⁺, NO₃⁻ và các thông số khác theo quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất do cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyết định trong giấy phép trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước khai thác;

c) Ngoài các thông số quan trắc để giám sát trực tuyến quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép lựa chọn thêm các thông số, chế độ quan trắc để giám sát định kỳ trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước khai thác và được quy định trong giấy phép khai thác tài nguyên nước. Các thông số đã quan trắc tự động thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ.

Tổ chức, cá nhân khai thác nước cho các mục đích từ nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt, trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, cơ quan có thẩm quyền cấp phép yêu cầu thực hiện quan trắc chất lượng nước và được quy định trong giấy phép”

Các thông số, chỉ tiêu quy định trong dự thảo Nghị định đều thống nhất, đồng bộ với chỉ tiêu được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, nước dưới đất. Do đó, nội dung về đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước trong dự thảo Nghị định là đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật về tài nguyên nước.

Trên đây là báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Qua rà soát nội dung của dự thảo Nghị định, như đã trình bày ở trên, các nội dung được quy định trong dự thảo Nghị định đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật tài nguyên nước và không có sự mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản, lĩnh vực khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, VP, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành